

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 30
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 tiền thân là Công ty Vận tải Ô tô số 8 được thành lập theo Quyết định số 1526/2003/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển Công ty Vận tải Ô tô số 8 thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 và được cấp lại Mã số doanh nghiệp từ Đăng ký kinh doanh số 0103002535 ngày 11 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số là 0100108913 ngày 15 tháng 5 năm 2012 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần 01 đến lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 27.249.450.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Buôn bán phương tiện vận tải đường bộ;
- Dịch vụ kho vận, đại lý vận tải, dịch vụ cung cấp xăng dầu, phụ tùng, vật tư;
- Dịch vụ hoán cải sửa chữa, cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ trông xe ô tô;
- Đào tạo lái xe, đào tạo công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng nghiệp vụ (chỉ hoạt động sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đặng Quang Vinh	Chủ tịch	Bổ sung thành viên HĐQT ngày 28 tháng 2 năm 2014 và Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 10 tháng 6 năm 2014
Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2014
Ông Phạm Văn Đức	Ủy viên	
Ông Nguyễn Việt Long	Ủy viên	
Ông Trần Văn Hà	Ủy viên	
Ông Phạm Văn Công	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2014
Ông Cao Đức Thắng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Vi Tùng	Ủy viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Văn Đức	Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hồng Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Cao Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Vũ Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Vi Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2015

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Phạm Văn Đức

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8, được lập ngày 22 tháng 01 năm 2015, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2015

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.077.841.192	19.918.429.172
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.682.373.514	3.458.960.559
1.	Tiền	111	V.01	2.682.373.514	3.458.960.559
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	6.000.000.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	6.000.000.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.291.612.333	8.348.890.137
1.	Phải thu khách hàng	131		6.457.725.799	4.617.767.047
2.	Trả trước cho người bán	132		1.182.700.281	1.211.160.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	1.651.186.253	2.519.963.090
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		496.612.947	80.207.665
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	496.612.947	80.207.665
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.607.242.398	2.030.370.811
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		636.485.791	317.948.982
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		126.118.136	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	45.528.851	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	1.799.109.620	1.712.421.829

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.056.614.958	15.512.592.748
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		22.719.723.071	14.426.985.908
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	21.933.412.981	13.744.551.399
	- Nguyên giá	222		37.522.495.085	27.103.399.336
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.589.082.104)	(13.358.847.937)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	786.310.090	682.434.509
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	500.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.09	500.000.000	500.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		836.891.887	585.606.840
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	836.891.887	585.606.840
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		39.134.456.150	35.431.021.920

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		5.664.330.673	3.539.621.908
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.303.779.006	2.880.373.908
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2.	Phải trả người bán	312		77.240.350	106.106.550
3.	Người mua trả tiền trước	313		460.000.000	226.000.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	338.711.670	1.996.051.090
5.	Phải trả người lao động	315		100.000.000	500.000.000
6.	Chi phí phải trả	316		-	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	52.315.482	52.216.268
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		275.511.504	-
II.	Nợ dài hạn	330		4.360.551.667	659.248.000
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.13	4.330.791.667	630.000.000
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		29.760.000	29.248.000
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.470.125.477	31.891.400.012
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	33.470.125.477	31.891.400.012
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.249.450.000	20.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		550.000	7.250.000.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		435.820.928	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		971.146.975	1.276.967.903
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		768.642.260	638.642.260
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.044.515.314	2.725.789.849
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		39.134.456.150	35.431.021.920

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		150.052.500	150.052.500
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

*Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2015***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Đỗ Thị Hồng Vân****Nguyễn Thị Hoa****Phạm Văn Đức**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	87.452.156.609	56.942.910.083
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		87.452.156.609	56.942.910.083
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	78.135.111.744	50.400.011.708
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.317.044.865	6.542.898.375
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	581.662.701	491.837.638
7.	Chi phí tài chính	22		80.485.597	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		80.485.597	-
8.	Chi phí bán hàng	24		1.307.353.559	826.562.245
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.332.643.648	2.777.485.814
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.178.224.762	3.430.687.953
11.	Thu nhập khác	31		-	21.179.500
12.	Chi phí khác	32		-	16.705.787
13.	Lợi nhuận khác	40		-	4.473.713
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.178.224.762	3.435.161.666
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.04	1.133.709.448	858.984.488
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.044.515.314	2.576.177.178
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.05	1.484	1.288

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Hồng Vân

Nguyễn Thị Hoa

Phạm Văn Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		85.900.187.019	65.873.768.866
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(72.525.156.339)	(46.899.449.533)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.100.264.780)	(7.538.428.680)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(80.485.597)	-
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(951.046.943)	(970.742.043)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.038.710.500	5.428.792.784
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.106.348.688)	(11.640.109.682)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.175.595.172	4.253.831.713
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(10.587.887.131)	(658.795.277)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(6.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.000.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		534.913.247	233.812.092
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.052.973.884)	(6.424.983.185)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.985.000.000	-
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(284.208.333)	(120.000.000)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.600.000.000)	(1.600.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.100.791.667	(1.720.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(776.587.045)	(3.891.151.473)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.458.960.559	7.350.112.031
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		2.682.373.514	3.458.960.559

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Hồng Vân

Nguyễn Thị Hoa

Phạm Văn Đức

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Buôn bán phương tiện vận tải đường bộ;
- Dịch vụ kho vận, đại lý vận tải, dịch vụ cung cấp xăng dầu, phụ tùng, vật tư;
- Dịch vụ hoán cải sửa chữa, cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ trông xe ô tô;
- Đào tạo lái xe, đào tạo công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng nghiệp vụ (chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư dài hạn được kế toán theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ;
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và **bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh**, thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

07. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	2.463.124.144	1.345.312.105
- Tiền gửi ngân hàng	219.249.370	2.113.648.454
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>2.682.373.514</u>	<u>3.458.960.559</u>

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Đầu tư ngắn hạn	-	6.000.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	6.000.000.000
+ Ngân hàng BIDV Chi nhánh Tây Hồ (*)	-	6.000.000.000
Cộng	-	<u>6.000.000.000</u>

(*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ.

03. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu khác	1.651.186.253	2.519.963.090
+ <i>Phải thu Bảo hiểm xã hội</i>	28.797.896	3.787.052
+ <i>Phải thu tiền hợp tác kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thiên Trường An</i>	1.250.000.000	2.250.000.000
+ <i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	-	237.905.546
+ <i>Khác</i>	372.388.357	28.270.492
Cộng	<u>1.651.186.253</u>	<u>2.519.963.090</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***04. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	10.229.500	10.229.500
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-
- Hàng hoá	486.383.447	69.978.165
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>496.612.947</u>	<u>80.207.665</u>

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất nộp thừa	45.528.851	-
Cộng	<u>45.528.851</u>	<u>-</u>

06. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Tạm ứng	1.499.109.620	1.412.421.829
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	300.000.000	300.000.000
Cộng	<u>1.799.109.620</u>	<u>1.712.421.829</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	10.432.259.916	210.562.002	16.365.684.236	94.893.182	27.103.399.336
- Mua trong năm	-	-	9.059.972.008	-	9.059.972.008
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.424.039.542	-	-	-	1.424.039.542
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(64.915.801)	-	-	-	(64.915.801)
Số dư cuối năm	11.791.383.657	210.562.002	25.425.656.244	94.893.182	37.522.495.085
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.920.555.543	210.562.002	7.180.305.392	47.425.000	13.358.847.937
- Khấu hao trong năm	512.559.967	-	1.764.106.001	18.484.000	2.295.149.968
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(64.915.801)	-	-	-	(64.915.801)
Số dư cuối năm	6.368.199.709	210.562.002	8.944.411.393	65.909.000	15.589.082.104
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	4.511.704.373	-	9.185.378.844	47.468.182	13.744.551.399
2. Tại ngày cuối năm	5.423.183.948	-	16.481.244.851	28.984.182	21.933.412.981

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 3.252.810.669 VND.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 8.055.316.917 VND và 7.988.188917 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Mua sắm container	666.721.675	-
- Nhà làm việc 801	100.009.509	-
- Công trình tại 83 Ngọc Hồi	19.578.906	-
- Khu văn phòng-TT Dạy nghề lái xe Vĩnh Quỳnh- Thanh Trì-Hà Nội	-	666.258.709
- Showroom Cừ Long	-	4.000.000
- Đường ống nước sạch	-	12.175.800
Cộng	<u>786.310.090</u>	<u>682.434.509</u>

09. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
- Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật và Vận tải ô tô	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		-	-	-
Cộng		<u>500.000.000</u>		<u>500.000.000</u>

10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	233.777.659	318.548.675
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	550.907.228	133.325.066
- Chi phí cho giai đoạn triển khai làm thủ tục xác định tiền thuê đất khu vực phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội	52.207.000	133.733.099
Cộng	<u>836.891.887</u>	<u>585.606.840</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	-	107.588.300
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	337.711.670	155.049.165
- Thuế thu nhập cá nhân	1.000.000	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.733.413.625
Cộng	<u>338.711.670</u>	<u>1.996.051.090</u>

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	15.304.112	29.193.890
- Hỗ trợ kinh phí hoạt động công tác Đảng	7.416.530	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.594.840	23.022.378
Cộng	<u>52.315.482</u>	<u>52.216.268</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn	4.330.791.667	630.000.000
- <i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	3.820.791.667	-
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai (*)	3.820.791.667	-
- <i>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	510.000.000	630.000.000
+ Công ty Cổ phần Đại lý Thủ đô (**)	510.000.000	630.000.000
Cộng	<u>4.330.791.667</u>	<u>630.000.000</u>

(*) Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số 08/2014-HĐTDDA/NHCT136-OTO8 với mục đích đầu tư mua sắm phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay là lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ. Ngay sau khi Ngân hàng giải ngân, các tài sản hình thành từ vốn vay sẽ được đưa vào thế chấp toàn bộ cho khoản vay.

(**) Là số tiền vay Công ty Cổ phần Đại lý Ford Thủ đô, lãi suất 0% theo Hợp đồng liên kết số 04/2002/HĐ-LK giữa Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô số 8 và Công ty Cổ phần Đại lý Ford Thủ đô ngày 26 tháng 7 năm 2002.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	7.250.000.000	-	1.166.967.903	528.642.260	2.189.612.671	31.135.222.834
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	2.576.177.178	2.576.177.178
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	110.000.000	110.000.000	(2.040.000.000)	(1.820.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	7.250.000.000	-	1.276.967.903	638.642.260	2.725.789.849	31.891.400.012
Số dư đầu năm nay							
Tăng vốn trong năm	7.249.450.000	-	-	-	-	-	7.249.450.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	4.044.515.314	4.044.515.314
Tăng khác	-	-	435.820.928	-	-	-	435.820.928
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	130.000.000	130.000.000	(2.725.789.849)	(2.465.789.849)
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(7.249.450.000)	-	(435.820.928)	-	-	(7.685.270.928)
Số dư cuối năm nay	27.249.450.000	550.000	435.820.928	971.146.975	768.642.260	4.044.515.314	33.470.125.477

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	6.433.260.000	4.721.660.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	20.816.190.000	15.278.340.000
Cộng	<u>27.249.450.000</u>	<u>20.000.000.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	7.249.450.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	27.249.450.000	20.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.600.000.000	1.600.000.000

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.724.945	2.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.724.945	2.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.724.945	2.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.724.945	2.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.724.945	2.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	39.748.363.641	13.446.427.272
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	47.703.792.968	43.496.482.811
Cộng	<u>87.452.156.609</u>	<u>56.942.910.083</u>

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	39.393.827.134	12.763.590.908
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	38.741.284.610	37.636.420.800
Cộng	<u>78.135.111.744</u>	<u>50.400.011.708</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	272.007.701	471.717.638
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.000.000	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	284.655.000	20.120.000
Cộng	<u>581.662.701</u>	<u>491.837.638</u>

04. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	80.485.597	-
- Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	<u>80.485.597</u>	<u>-</u>

05. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.133.709.448	858.984.488
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.133.709.448</u>	<u>858.984.488</u>

Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.178.224.762
- Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh	5.178.224.762
- Lợi nhuận từ chuyển nhượng bất động sản	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-
Các khoản điều chỉnh giảm	25.000.000
Cổ tức được chia	25.000.000
Thu nhập tính thuế TNDN	5.153.224.762
Thuế suất thuế TNDN	22%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	<u>1.133.709.448</u>

06. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.044.515.314	2.576.177.178
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.044.515.314	2.576.177.178
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.724.945	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.484</u>	<u>1.288</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.796.421.127	14.631.692.838
- Chi phí nhân công	10.700.264.780	9.570.538.892
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.295.149.968	2.177.677.351
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.353.992.040	6.813.179.273
- Chi phí khác bằng tiền	6.235.453.902	7.758.317.199
Cộng	<u>43.381.281.817</u>	<u>40.951.405.553</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tăng vốn chủ sở hữu từ thặng dư vốn cổ phần	7.249.500.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	674.973.000	600.275.000
Tiền thù lao	48.000.000	46.000.000
Cộng	<u>722.973.000</u>	<u>646.275.000</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Ô tô TMT	Công ty mẹ chiếm 54,17% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Vật tư và Kỹ thuật Vận tải Ô tô	Ông Phạm Văn Đức là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8 đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vật tư và Kỹ thuật Vận tải Ô tô.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Ô tô TMT</i>		
Mua hàng hóa	37.465.909.068	4.262.000.000
Mua tài sản	4.863.636.365	-
Phí điều chuyển xe	5.517.790	-
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	5.686.941.811	2.239.443.027
Tiền chiết khấu thanh toán nhận được	284.655.000	-
Chi trả cổ tức	866.666.400	866.666.400

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật và Vận tải ô tô		
Thuê dịch vụ sửa chữa xe	903.663.600	1.057.811.150
Thuê vận chuyên	1.942.955.367	1.218.233.500

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Ô tô TMT		
Phải thu của khách hàng	-	166.309.500
Trả trước người bán	754.650.281	663.110.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	300.000.000	300.000.000
Cộng nợ phải thu	1.054.650.281	1.129.419.500

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật và Vận tải Ô tô		
Phải trả người bán	-	106.106.550
Cộng nợ phải trả	-	106.106.550

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực thương mại.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Dịch vụ</u>	<u>Thương mại</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	47.703.792.968	39.748.363.641	87.452.156.609
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	43.003.808.731	39.270.123.116	82.273.931.847
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	4.699.984.237	478.240.525	5.178.224.762
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	715.716.440	596.358.394	1.312.074.834
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.468.496.156	1.223.599.122	2.692.095.278
Số dư cuối năm			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	19.623.379.691	16.828.702.945	36.452.082.636
- Tài sản không phân bổ			2.682.373.514
Tổng tài sản	19.623.379.691	16.828.702.945	39.134.456.150
- Nợ phải trả bộ phận	2.939.517.148	2.449.302.021	5.388.819.169
- Nợ phải trả không phân bổ			275.511.504
Tổng nợ phải trả	2.939.517.148	2.449.302.021	5.664.330.673

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Dịch vụ</u>	<u>Thương mại</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	43.496.482.811	13.446.427.272	56.942.910.083
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	40.013.717.761	13.498.504.368	53.512.222.129
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	3.482.765.049	(52.077.096)	3.430.687.953
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	808.815.723	250.035.890	1.058.851.613
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.820.180.476	562.687.436	2.382.867.912
Số dư cuối năm			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	19.788.013.382	6.184.047.979	25.972.061.361
- Tài sản không phân bổ			9.458.960.559
Tổng tài sản	19.788.013.382	6.184.047.979	35.431.021.920
- Nợ phải trả bộ phận	2.703.780.036	835.841.872	3.539.621.908
- Nợ phải trả không phân bổ			-
Tổng nợ phải trả	2.703.780.036	835.841.872	3.539.621.908

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.682.373.514	-	3.458.960.559	-	2.682.373.514	3.458.960.559
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.108.912.052	-	7.125.453.792	-	8.108.912.052	7.125.453.792
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	500.000.000	-	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000
Cộng	11.291.285.566	-	17.084.414.351	-	11.291.285.566	17.084.414.351

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	77.240.350	106.106.550	77.240.350	106.106.550
Vay và nợ	4.330.791.667	630.000.000	4.330.791.667	630.000.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	29.594.840	23.022.378	29.594.840	23.022.378
Cộng	4.437.626.857	759.128.928	4.437.626.857	759.128.928

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (xem thuyết minh số V.07 và V.13). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
Số cuối năm		
Phương tiện vận tải gồm:		
+ 05 xe ô tô đầu kéo	4.945.149.737	Điều khoản và điều kiện thế chấp được quy định cụ thể theo Hợp đồng tín dụng số 08/2014-HDTDDA/NHCT 136- OTO8 ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai.
+ 10 chiếc somi romooc	3.043.039.180	
Cộng	<u>7.988.188.917</u>	

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	77.240.350	-	-	77.240.350
Vay và nợ	-	4.330.791.667	-	4.330.791.667
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	29.594.840	-	-	29.594.840
Cộng	106.835.190	4.330.791.667	-	4.437.626.857
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	106.106.550	-	-	106.106.550
Vay và nợ	-	630.000.000	-	630.000.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	23.022.378	-	-	23.022.378
Cộng	129.128.928	630.000.000	-	759.128.928

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI Ô TÔ SỐ 8

Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Hồng Vân

Nguyễn Thị Hoa

Phạm Văn Đức